

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2014

Kính thưa quý cổ đông!

- Căn cứ quy định pháp Luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 do Công ty lập và Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. thực hiện;
- Căn cứ số liệu chi tiết và chứng từ do Ban giám đốc Công ty cung cấp,
- Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2014 như sau:

I. KIỂM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY:

1. Tình hình thực hiện chỉ tiêu theo Nghị Quyết ĐHCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2014

(Đơn Vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	36.03	27.90	77.44%
Lợi Nhuận	13.02	5.80	44.55%

- Chỉ tiêu doanh thu đạt được 77.44% so với kế hoạch năm
- Chỉ tiêu lợi nhuận đạt được 44.55% so với kế hoạch năm.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2014: (dvt: VNĐ)

2.1 Bảng cân đối tóm tắt tại thời điểm 31/12/2014 (đã được kiểm toán).

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Ending Balance Số cuối kỳ	Beginning Balance Số đầu kỳ
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	229,999,306,926	330,654,652,540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	61,067,768,728	153,701,706,296
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	85,589,189,791	160,566,212,150
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	81,476,105,466	14,630,771,912
IV. Hàng tồn kho	140	1,516,352,760	1,516,352,760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	349,890,181	239,609,422
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	109,660,302,348	12,082,282,257
I. Tài sản cố định	220	6,465,928,846	10,051,864,837

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	101,500,000,000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260	1,694,373,502	2,030,417,420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	339,659,609,274	342,736,934,797
NGUỒN VỐN			
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	12,678,053,422	21,628,981,455
I. Nợ ngắn hạn	310	12,678,053,422	21,628,981,455
II. Nợ dài hạn	330	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	326,981,555,852	321,107,953,342
I - Vốn chủ sở hữu	410	326,981,555,852	321,107,953,342
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	360,000,000,000	360,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(33,018,444,148)	(38,892,046,658)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	339,659,609,274	342,736,934,797

Tiền, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ dài hạn : 248,254,141,157đ

Bao gồm:

- Tiền mặt : 30,708,197đ
- Tiền gửi không kỳ hạn : 7,992,060,531đ

Trong tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn: 7,992,060,531đ có 5,418.532.967đ là tiền của nhà đầu tư gửi tại tài khoản Ngân hàng của Công Ty.

- Tiền gửi kỳ hạn:

KỲ HẠN	DƯỚI 3 THÁNG	TRÊN 3 THÁNG DƯỚI 1 NĂM	TRÊN 1 NĂM
Số tiền (tỷ đồng)	53,045	67,275	101,500

- Đầu tư mua bán chứng khoán : 18,411,372,429đ:

2.2 các chỉ tiêu tài chính năm 2014 so năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2013	GHI CHÚ
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> <i>Liquidity</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	26.25	15.29	
Current ratio TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	26.13	15.22	
Quick ratio TSLĐ - Hàng tồn kho /Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			

Capital structure			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản Liabilities/total assets	3.72%	6.31%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu Liabilities/owner's equity	3.86%	6.74%	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần Net income/net sales	21%	31%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu Net income/owner's equity	2%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản Net income/total assets	2%	2%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần Operating profit/net sales	21%	31%	

CHỈ TIÊU ITEM	ĐƠN VỊ UNIT	2014	2013
Cơ cấu tài sản- Asset			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản <i>Long-term assets/Total assets</i>	%	2%	4%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản <i>Current assets/ Total assets</i>	%	98%	96%
Cơ cấu nguồn vốn- Liabilities and owner's equity			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn <i>Current liabilities/ Total assets</i>	%	4%	6%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn <i>Owner's equity/ Total assets</i>	%	96%	94%

Hệ số thanh toán nợ của công ty năm 2014 là 26,25 lần, năm 2013 là 15,29 lần tăng 72% so với năm 2013. Công ty có lượng tiền mặt dồi dào, hầu như lượng tiền mặt được đầu tư vào kỳ hạn tiền gửi tại các ngân hàng.

2.3 Tình hình thực hiện doanh thu 2014 và so sánh với năm 2013:

CHỈ TIÊU	2014	2013	SO SÁNH	
1	3	4	5= 3-4	6= 3/4
1. Doanh thu	27,962,618,586	27,437,644,860	524,973,726	102%
Trong đó:			-	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2,209,144,605	401,571,258	1,807,573,347	550%
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	2,834,345,307	112,336,526	2,722,008,781	2523%
- Doanh thu hoạt động tư vấn		15,720,000	(15,720,000)	0%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	54,465,759	300,000	54,165,759	18155%
- Doanh thu khác	22,864,662,915	26,907,717,076	(4,043,054,161)	85%
Trong đó: lãi tiền gửi Ngân hàng	19,057,426,887	26,666,937,679	(7,609,510,792)	71%

- Khoản thu nhập từ tiền gửi Ngân hàng chiếm 68% trong thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh
- Mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn cố định bình quân 5%/ năm cho số dư tiền gửi tại ngày 31/12/2014,
- Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến 15 tháng lãi suất trung bình là 7.26%/ năm
- Tính đến ngày 31/12/2014: tiền gửi kỳ hạn từ 1 năm trở lên là : 101,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng : 45,75% trên tổng số tiền gửi có kỳ hạn.

2.4 Tình hình sử dụng chi phí năm 2014 và so sánh năm 2013 như sau:

CHỈ TIÊU	2014	2013	SO SÁNH/ COMPARASION (+/-)
1	2	3	4 = 2-3
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	10,844,979,990	6,741,461,928	4,103,518,062
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,253,408,312	12,324,722,014	(1,071,313,702)
3. Thu nhập khác	9,372,226	54,945,454	(45,573,228)
4. Chi phí khác		17,769,636	(17,769,636)

Trong đó chi phí hoạt động kinh doanh tăng 60,86% chủ yếu do hoạt động kinh doanh môi giới, hoạt động tự doanh và trích lập dự phòng cho hoạt động tự doanh

3. Tình hình thực hiện chi trả cổ tức :

Tuy hoạt động kinh doanh năm 2014 lãi: 5.873.602.510đồng, nhưng lũy kế tính đến 31/12/2014 Công ty còn lỗ 33.018.444.148đồng nên công ty không có nguồn để chi trả cổ tức.

4. Tình hình hoạt động cho vay ký quỹ:

Tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% và tỷ lệ ký quỹ duy trì không thấp hơn 40% phù hợp với quyết định số 09/QĐ-UBCK ngày 8/1/2013 về việc sửa đổi quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước

II. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO NĂM 2014:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014. Theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Ban kiểm soát ghi nhận Báo cáo tài chính năm do Công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động SXKD cho kỳ báo cáo; phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Các báo cáo theo yêu cầu các cơ quan chức năng (SSC, HOSE, HNX) đã được tuân thủ và nộp báo cáo đúng hạn.

III. TÌNH HÌNH VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2014 THEO GIẤY PHÉP KINH DOANH VÀ SỔ THEO DÕI CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

STT	Danh sách	Vốn góp tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ %
1	Seamico Securities PLC	67,965,000,000	18.88%
2	Công ty CP Dệt May – ĐT – TM Thành Công	89,117,000,000	24.75%
3	Công ty TNHH Ngọc Phong	10,000,000,000	2.78%
4	Đoàn Quang Sang	2,000,000,000	0.56%
5	Chung Văn Đạt	5,050,000,000	1.40%
6	Công Ty TNHH 4 Oranges	49,530,000,000	13.76%
7	Công Ty TNHH E-Land Việt Nam	20,740,000,000	5.76%
8	Các Cổ đông khác	115,598,000,000	32.11%
	Tổng cộng	360,000,000,000	100%

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Định kỳ hàng tháng Công Ty gửi Báo cáo tài chính cho Ban kiểm soát kiểm tra. Trường hợp có thông tin hoặc kiểm tra thấy có bất thường thì Ban kiểm soát sẽ trực tiếp làm việc với Công ty.
- Định kỳ 6 tháng Ban kiểm soát đến kiểm trực tiếp làm việc.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Nguyễn Minh Hảo